

Điện Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2020

CÔNG VĂN GIẢI TRÌNH

(về biến động kết quả kinh doanh của Quý III năm 2020 so với Quý III năm 2019)

Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

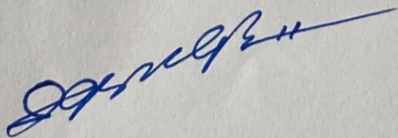
Theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên TTCK, trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa kỳ báo cáo so với cùng kỳ báo cáo năm trước có biến động từ 10% trở lên, Công ty phải giải trình rõ nguyên nhân dẫn đến những biến động bất thường đó trong báo cáo tài chính quý.

Nay, Công ty Cổ phần Cấp nước Điện Biên (gọi tắt là “Công ty”) làm công văn giải trình về biến động kết quả kinh doanh của Quý III năm 2020 (kỳ báo cáo) so với Quý III năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III		Tăng/(giảm) VND	%	Nguyên nhân
			Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)			
1	2	4	5	6	7	8	9
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	14.308.029.019	13.850.777.404	457.251.615	3,30%	Doanh thu Quý III/2020 tăng 3,3% so với cùng kỳ năm trước do:
	Trong đó:						(i) Doanh thu nước
	Doanh thu nước		13.904.494.019	13.468.792.648	435.701.371	3,23%	Quý III/2020 tăng 3,23% do: tăng số lượng khách hàng sử dụng dẫn đến sản lượng tiêu thụ nước tăng so với cùng kỳ
	Doanh thu từ phí BVMT giữ lại đối với nước thải sinh hoạt		123.639.582	-	123.639.582	100,00%	(ii) Đơn vị ghi nhận vào doanh thu phí bảo vệ môi trường được giữ lại theo nội dung tại nghị định 53/2020/NĐ-CP thay vì ghi nhận vào thu nhập khác như trước đây.
	Doanh thu lắp đặt		275.894.498	295.588.604	(19.694.106)	-6,66%	(iii) Doanh thu bán vật tư giảm 95,37% so với kỳ so sánh;
	Doanh thu bán vật tư nước		4.000.920	86.396.152	(82.395.232)	-95,37%	(iv) Doanh thu lắp đặt giảm 6,66% so với kỳ so sánh.
2.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	14.308.029.019	13.850.777.404	457.251.615	3,30%	

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Quý III		Tăng/(giảm) VND	%	Nguyên nhân
			Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)			
1	2	4	5	6	7	8	9
3.	Giá vốn hàng bán	11	11.411.078.028	10.930.077.334	481.000.694	4,40%	Giá vốn tăng 4,4% so với kỳ so sánh do doanh thu tăng dẫn đến các chi phí sản xuất tăng.
4.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20	2.896.950.991	2.920.700.070	(23.749.079)	-0,81%	
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.348.021	230.450.941	(212.102.920)	-92,04%	Giảm so 92,94% so với cùng kỳ năm trước do giảm thu nhập từ lãi tiền gửi và chênh lệch tỷ giá.
6.	Chi phí tài chính	22	53.876.370	62.012.940	(8.136.570)	-13,12%	Giảm chi phí lãi vay do trả nợ gốc vay.
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	53.568.870	62.012.940	(8.444.070)		
7.	Chi phí bán hàng	24	-	-	-		
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.179.919.019	2.604.331.051	(424.412.032)	-16,30%	Giảm 16,3% so với kỳ so sánh do Quý III/2020 không trích trước chi phí thường cuối năm.
	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	681.503.623	484.807.020	196.696.603	40,57%	
10.	Thu nhập khác	31	5	131.612.637	(131.612.632)	100,00%	Giảm so với kỳ so sánh do phí BVMT giữ lại được ghi nhận vào doanh thu trong Quý III/2020 như đã nêu ở mục doanh thu.
11.	Chi phí khác	32	-	-	-		
12.	Lợi nhuận khác	40	5	131.612.637	(131.612.632)	100,00%	
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	681.503.628	616.419.657	65.083.971	10,56%	Lợi nhuận tăng do ảnh hưởng của các nguyên nhân trên
14.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	136.300.726	123.283.931	13.016.795	10,56%	
15.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	545.202.902	493.135.726	52.067.176	10,56%	

Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Hùng

Chủ tịch hội đồng quản trị



Nguyễn Lê Quế